

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh và ông Phạm Hữu Ái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Thùy T**, sinh năm: 1997 (*Vắng mặt*)

HKTT: Ấp khu M, xã B, huyện X, tỉnh B1.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1986 (*Vắng mặt*)

Ông **Trần Cao C**, sinh năm: 1990 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số T, đường N, Khu phố M1, phường B2, thành phố B3, tỉnh Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông **Trần Cao C**, sinh năm: 1990; Luật sư Chi nhánh Văn phòng Luật sư Trần Hữu Nhân tại Đồng Nai, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Đại P**, sinh năm: 1988 (*Vắng mặt*)

HKTT: Thôn B3, xã S, huyện H, tỉnh B4. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

(*Bà T, ông P, ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Thùy T trình bày: Bà và ông P đăng ký

kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống về vấn đề kinh tế. Ông Ph không tôn trọng ý kiến bà, không chăm lo gia đình, cả hai thường xuyên cãi vã. Đến tháng 02/2022, ông P bỏ nhà đi. Tháng 10/2022, ông P vi phạm pháp luật nên bị bắt tạm giam. Bà và ông P đã không sống chung với nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Cả hai không quan tâm cũng như không liên lạc với nhau, gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông P nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Đại P trình bày: Ông và bà T đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã S. Sau khi kết hôn, cả hai sống với nhau hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì lớn. Ngày 24/11/2022, ông P bị bắt tạm giam về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Bắt giữ người trái pháp luật” nên vợ chồng có sự xa cách. Bà T không quan tâm, lo lắng cho ông. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý vì ông nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và không thể hàn gắn với nhau. Hiện nay ông đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố Vũng Tàu, nên ông không thể có mặt tham gia vào quá trình giải quyết vụ án, do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Về con chung: Ông và bà T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà Dương Thị Thùy T được ly hôn với ông Trần Đại P; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Dương Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đại P, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Đại P có nơi cư trú tại Thôn B3, xã S, huyện H, tỉnh B4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà Dương Thị Thùy T, ông Trần Đại P, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T là ông Trần Cao C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; Ông Phạm Văn D là người được bà Trang ủy quyền để nộp đơn khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí và nhận văn bản tố tụng, việc vắng mặt của ông D không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông P đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã S, huyện H trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà T trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Cả hai không sống chung với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Bà cũng khẳng định mình không còn tình cảm với ông P nữa và kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông P.

Ông P trình bày do mình bị tạm giam, nên tình cảm vợ chồng có sự xa cách, bà T không có sự quan tâm, lo lắng đối với ông. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không thể hàn gắn được.

Những căn cứ nêu trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông P.

[2.2] Về con chung: Các đương sự trình bày mình không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thùy T đối với ông Trần Đại P về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thùy T được ly hôn với ông Trần Đại P.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Bà Dương Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0017987 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND Sơn Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thùy Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

